

Bản án: 72/2024/DS-ST

Ngày: 26 – 3 – 2024

V/v tranh chấp về
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tác
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P (O)

Địa chỉ trụ sở: Số D, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Mỹ X – chức vụ: Giám đốc chi nhánh A1 kiêm nhiệm chức vụ RB (Giấy ủy quyền số 16/2023/UQCT.HĐQT ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V/v ủy quyền trong hoạt động tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền lại: anh Đỗ Duy K, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - RB (XLN) theo Giấy ủy quyền số 02/2024/GUQ-CNAG ngày 19/01/2024, (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Chị Trần Thị Tú A, sinh năm 1989, (vắng mặt);

2.2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1989, (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số A, tổ F, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2023 của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần P và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Đỗ Duy K trình bày:

Năm 2017 và năm 2021 Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh A1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bị đơn ký 03 hợp đồng vay vốn sau đây:

1. Hợp đồng tín dụng số 0578/2017-OCB/KUNN-CN ngày 30/8/2017 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0578/2017-OCB/KUNN-CN ngày 30/8/2017, chị A và anh H ký hợp đồng để vay số tiền 468.000.000 đồng; thời hạn vay 72 tháng, kể từ ngày 30/08/2017 đến ngày trả nợ cuối cùng 30/08/2023; mục đích vay mua xe ô tô tải (có mui) vận chuyển hàng hóa; phương thức trả: tiền lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, theo dư nợ thực tế, tiền gốc mỗi tháng trả 6.500.000 đồng, định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/09/2017.

Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố + biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Áp dụng Lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh lãi định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Số tiền gốc, lãi đã trả (tính từ ngày 25/09/2017 đến ngày 24/04/2023) là: 602.913.847 đồng, trong đó tiền gốc 442.000.000 đồng, lãi 160.913.847 đồng.

Số tiền vi phạm hợp đồng phải thanh toán tạm tính từ ngày 25/04/2023 đến ngày 09/07/2023 là: tiền vốn gốc 26.000.000 đồng, tổng số tiền lãi 1.074.979 đồng, cộng chung tiền gốc + lãi : 27.074.979 đồng

2. Ngày 09/09/2021 chị Trần Thị Tú A ký hợp đồng vay vốn theo Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ vay kèm hợp đồng tín dụng vay không có tài sản bảo đảm số 0203/2021 vay 160.000.000 đồng để tiêu dùng mua sắm trang thiết bị nội thất, thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 09/09/2021 đến ngày trả nợ cuối cùng 09/09/2026; phương thức trả: lãi trả định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, theo dư nợ thực tế, tiền gốc trả mỗi tháng trả 2.665.000 đồng, định kỳ vào ngày 10 hàng tháng,

Lãi suất trong hạn: 15,9%/năm cố định trong 3 tháng đầu. Từ tháng thứ 6 bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố + biên độ tối thiểu: 8%/năm. Áp dụng Lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh lãi định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Số tiền gốc, lãi đã trả (tính từ ngày 10/10/2021 đến ngày 09/04/2023) là: 85.833.198 đồng, trong đó tiền gốc 50.635.002 đồng, lãi 35.198.196 đồng.

Số tiền vi phạm hợp đồng phải thanh toán tạm tính từ ngày 10/04/2023 đến ngày 09/07/2023 là: tiền vốn gốc 109.364.998 đồng, tiền lãi 5.596.968 đồng, cộng chung gốc + lãi 114.961.966 đồng

3. Ngày 16/07/2021 chị Trần Thị Tú A có nhu cầu sử dụng thẻ tín dụng nên đã ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 0107/2021 với hạn mức thẻ tín dụng được cấp là 50.000.000 đồng, số tiền nợ thẻ gốc và lãi tính đến ngày 09/07/2023 như sau:

Lãi suất thẻ theo quy định của Ngân hàng. Nợ gốc còn thiếu 23.997.462 đồng, lãi còn thiếu 3.486.238 đồng, cộng chung gốc + lãi là 26.583.700 đồng.

Để đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H đã dùng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số: 0578/2017 ngày 30/08/2017. Hợp đồng thế chấp này được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 30/8/2017 và Trung tâm có văn bản số 71278/TT2-TB ngày 30/8/2017 gửi đến Phòng C – Công an tỉnh A về việc thông báo thế chấp phương tiện giao thông. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013223 ngày 31/8/2017 do Phòng C - Công an tỉnh A cấp cho bà Trần Thị Tú A đứng tên.

Tại sản thế chấp: xe ô tô tải (có mui) thế chấp hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo Giấy đăng ký xe ô tô số 013223 do Phòng C Công an tỉnh A cấp ngày 31/08/2017, họ tên chủ xe Trần Thị Tú A, loại xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu FOTON, màu sơn Xanh, trọng tải 6.950 kg, chỗ ngồi: 3 chỗ, số máy: LQBB09013681, số khung: 250AHC032642, biển số: 67C – 084.55. Toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Hiện tại xe ô tô tải do chị A và anh H quản lý sử dụng.

Theo hợp đồng vay nói trên chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện trả nợ nhưng anh chị vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn theo khoản 2 Điều 3 của Điều khoản và điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân ngày 09/9/2021.

Ngân hàng yêu cầu chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H có trách nhiệm hoàn trả số tiền của 03 hợp đồng nêu trên tổng cộng 168.620.645 đồng, trong đó tiền gốc 158.462.460 đồng, tiền lãi 10.158.185 đồng.

Tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 10/07/2023 cho đến khi trả xong nợ, đồng thời ưu tiên xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa anh Đỗ Duy K (đại diện nguyên đơn) yêu cầu, nếu bị đơn không trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số: 0578/2017 ngày 30/08/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh A1 với chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H, không còn yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên. Sau khi trả đủ nợ Ngân hàng sẽ trả lại cho chị A giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013223 ngày 31/8/2017 do Phòng C - Công an tỉnh A cấp cho chị Trần Thị Tú A đứng tên.

- Chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của chị A và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng thương mại cổ phần P khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H trả tiền vay, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có người đại diện và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh H.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền vay gốc 158.462.460 đồng, lãi 10.158.185 đồng (tạm tính đến ngày 09/7/2023) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “ *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, chị A và anh H đã vay tiền của Ngân hàng và hiện nay còn nợ số tiền trên là có thật.

[2.2] Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số: 0578/2017 ngày 30/08/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh A1 với chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H. Hợp đồng thế chấp này được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Đối với anh Trần Văn H, giữa anh H và chị Tú A có quan hệ vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 0103/2014, Quyền số 01/2014, ngày 27/5/2014. Anh H cùng chị A ký hợp đồng tín dụng số 0578/2017 ngày 30/08/2017, riêng hai hợp đồng: số 0203/2021 ngày 09/9/2021, số 0107/2021 ngày 16/7/2021 mặc dù anh H không cùng chị A ký các hợp đồng này, nhưng anh H đã tự nguyện cùng chị A ký hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô tải để chị A vay tiền, mục đích vay tiền mua sắm xe tải, trang thiết bị nội thất và tiêu dùng, đây là việc sử dụng chung cho gia đình. Nên anh H phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị A trả tiền cho Ngân hàng.

[2.4] Do chị A và anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng căn cứ điểm g khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 0578/2017-OCB/KUNN-CN ngày 30/8/2017; khoản 1 Điều 7 của Điều khoản và điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân ngày 09/9/2021 yêu cầu chị A và anh H trả nợ trước hạn và yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi của 03 hợp đồng trên tổng cộng 168.620.645 đồng, trong đó tiền gốc 158.462.460 đồng, lãi 10.158.185 đồng, tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 10/7/2023 đến khi thanh toán đủ tiền gốc theo Hợp đồng là có căn cứ.

[2.5] Từ nhận định trên, căn cứ căn cứ khoản 1 Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị A và

anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P 168.620.645 đồng (làm tròn số 168.620.000 đồng), tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 10/7/2023 đến khi thanh toán đủ tiền gốc theo Hợp đồng. Nếu bị đơn không trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số: 0578/2017 ngày 30/08/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh A1 với chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H. Khi chị A và anh H trả đủ nợ, Ngân hàng phải trả lại cho chị A giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013223 ngày 31/8/2017 do Phòng C - Công an tỉnh A cấp cho chị Trần Thị Tú A đứng tên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là chị A và anh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là anh Đỗ Duy K. Buộc chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vay gốc 158.462.460 đồng, lãi 10.158.185 đồng, cộng chung tiền gốc và lãi làm tròn số 168.620.000 đồng (*bằng chữ: một trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày 10/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0578/2017-OCB/KUNN-CN ngày 30/8/2017 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0578/2017-OCB/KUNN-CN ngày 30/8/2017; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ vay kiêm hợp đồng tín dụng vay không có tài sản bảo đảm số 0203/2021 ngày 09/9/2021; Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 0107/2021 ngày 16/7/2021.

Nếu bị đơn không trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số: 0578/2017 ngày 30/08/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P – chi nhánh A1 với chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H.

Khi chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H trả đủ nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần P phải trả lại cho chị Trần Thị Tú A giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013223 ngày 31/8/2017 do Phòng C - Công an tỉnh A cấp cho chị Trần Thị Tú A đứng tên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H phải chịu 8.431.000 đồng.
- Hoàn trả 4.216.000đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần P theo biên lai thu tiền số 0006653 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Tú A và anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

